ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2024/QĐ-UBND	*Phú Yên, ngày 14 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 50/TTr-STP ngày30/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 6 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Kèm theo Quyết định số: 27/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan trong phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (sau đây viết tắt là Luật TNBTCNN) trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo Luật TNBTCNN trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đảm bảo nguyên tắc phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Xác định trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan nhằm bảo đảm giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường kịp thời, công khai, minh bạch, khách quan, trung thực, đúng pháp luật.

4. Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và quy định của pháp luật; không làm cản trở đến hoạt động của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cũng như ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước.

3. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết; tổ chức cuộc họp liên ngành.

4. Các hình thức phối hợp khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Bố trí đầu mối phụ trách công tác bồi thường nhà nước

1. Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí một đầu mối phụ trách công tác bồi thường nhà nước tại cơ quan, đơn vị mình; gửi thông tin về đầu mối phụ trách đến Sở Tư pháp. Trường hợp có sự thay đổi thông tin về đầu mối phụ trách, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời gửi văn bản đến Sở Tư pháp để tổng hợp, theo dõi.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp danh sách đầu mối phụ trách công tác bồi thường nhà nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Phối hợp hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước cho người thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn nghiệp vụ, trả lời đề xuất, kiến nghị của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước khi có đề nghị.

2. Các cơ quan, đơn vị cử người thực hiện công tác bồi thường nhà nước tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ do Sở Tư pháp chủ trì tổ chức.

Điều 7. Phối hợp trong việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 41 Luật TNBTCNN và khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN.

Trường hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương không thống nhất trong việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường thì xin ý kiến các bộ, ngành trung ương để trao đổi, thống nhất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Các cơ quan, đơn vị cử đại diện tham gia phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo khoản 1 Điều này khi có đề nghị.

Điều 8. Phối hợp trong việc hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo Điều 6 Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước, cụ thể:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Cục Thi hành án dân sự tỉnh hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án dân sự;

b) Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng và thi hành án hình sự.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo khoản 1 Điều này.

Điều 9. Phối hợp xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường

1. Cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện xác minh thiệt hại và tổ chức thương lượng việc bồi thường thiệt hại theo quy định.

2. Sở Tư pháp, Sở Tài chính có trách nhiệm cử đại diện tham gia vào việc xác minh thiệt hại đối với các vụ việc phức tạp theo đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm cử đại diện tham gia thương lượng đối với tất cả các vụ việc yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan giải quyết bồi thường trên địa bàn tỉnh.

4. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Cơ quan điều tra có trách nhiệm cử đại diện tham gia thương lượng trường hợp vụ việc yêu cầu bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan giải quyết bồi thường trong việc xác minh thiệt hại; tham gia thương lượng bồi thường theo đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp cần thiết hoặc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật TNBTCNN và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

Điều 10. Phối hợp xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại

1. Cơ quan đã chi trả tiền bồi thường có trách nhiệm thành lập Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả (gọi tắt là Hội đồng), thực hiện phương thức làm việc của Hội đồng theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp cử đại diện tham gia Hội đồng đúng thành phần và trình bày ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng.

Điều 11. Phối hợp gửi văn bản trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án; các cơ quan hành chính tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả có trách nhiệm gửi Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 7 Điều 15, khoản 4 Điều 43, khoản 5 Điều 48, khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 50, khoản 3 Điều 51 và khoản 4 Điều 66 Luật TNBTCNN.

2. Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan giải quyết bồi thường báo cáo các nội dung về giải quyết yêu cầu bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả và xử lý kỷ luật người thi hành công vụ của cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN và tiếp nhận các văn bản do các cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tại khoản 1 Điều này gửi đến để theo dõi, tổng hợp.

Điều 12. Báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh thực hiện công tác báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo, thống kê công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi quản lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) trước ngày 10 tháng cuối của từng quý (đối với báo cáo quý), trước ngày 15 tháng 11 của năm báo cáo (đối với báo cáo năm), trước ngày 10 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm chính thức).

Nội dung báo cáo, mốc thời gian lấy số liệu thống kê công tác bồi thường nhà nước thực hiện theo khoản 1 Điều 24 và Điều 25 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (Biểu mẫu báo cáo

từ Biểu mẫu số 01 đến Biểu mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP).

Đối với báo cáo quý và báo cáo năm chính thức chỉ gửi thống kê số liệu theo Biểu mẫu số 01, 03 và 04.

3. Trách nhiệm báo cáo, thống kê quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước của cơ quan.

b) Các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước của cơ quan mình và cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về công tác bồi thường nhà nước.

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu triển khai thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh có trách nhiệm:

a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại cơ quan, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương.

b) Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm trong giải quyết bồi thường theo thẩm quyền.

c) Chỉ đạo cơ quan cấp huyện theo ngành dọc giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo quy định.

d) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Công an tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Chỉ đạo cơ quan Công an cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai lực lượng để đảm bảo an ninh trật tự cho buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai theo đề nghị của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

4. Tòa án nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Gửi các bản án có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước và chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện gửi các bản án có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước cho Sở Tư pháp, đính kèm văn bản hoặc chú thích bản án có nội dung giải quyết bồi thường.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều này.

b) Thực hiện lập dự toán kinh phí bồi thường nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật TNBTCNN trên cơ sở tổng hợp từ báo cáo của Sở Tư pháp và các cơ quan, địa phương.

c) Thực hiện cấp phát kinh phí bồi thường và quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật TNBTCNN trên cơ sở đề nghị của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Chỉ đạo cơ quan bảo hiểm xã hội đang trả lương hưu cho người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm thu tiền theo quyết định hoàn trả và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

c) Tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả với tư cách là cơ quan chi trả lương hưu cho người thi hành công vụ gây thiệt hại trong trường hợp người đó đã nghỉ hưu.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều này.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch và chỉ đạo của cấp trên chủ động triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi quản lý địa phương.

b) Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả theo quy định.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai, thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh thì các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.